

Ngày 31/03/2025	91,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.7%	-0.7%	8.3%

	2024	
ROE	28.4%	+/- YoY ▲ 0.4%

	Q1/25		
DT thuần	4,582	QoQ ▼ 229 ▼ 4.8%	YoY ▲ 570 ▲ 14.2%
	tỷ VNĐ		

	2024	
DT thuần	17,610	YoY ▲ 1,804 ▲ 11.4%
	tỷ VNĐ	

	Q1/25		
LN gộp	2,308	QoQ ▲ 91.0 ▲ 4.1%	YoY ▲ 407 ▲ 21.4%
	tỷ VNĐ		

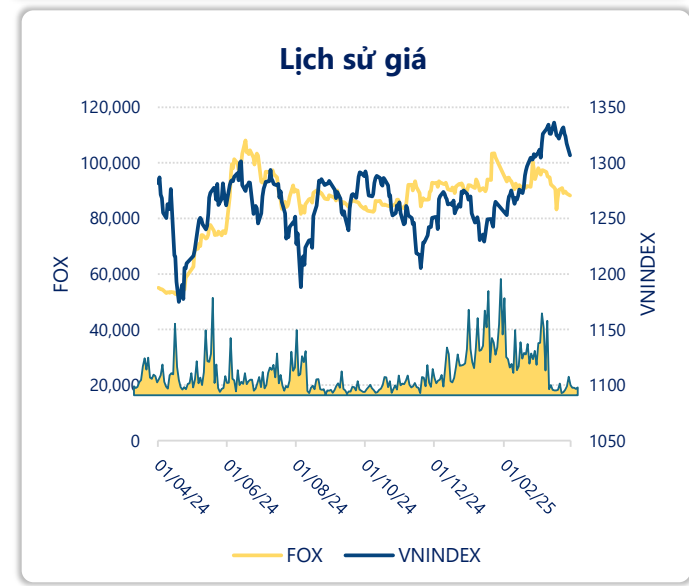
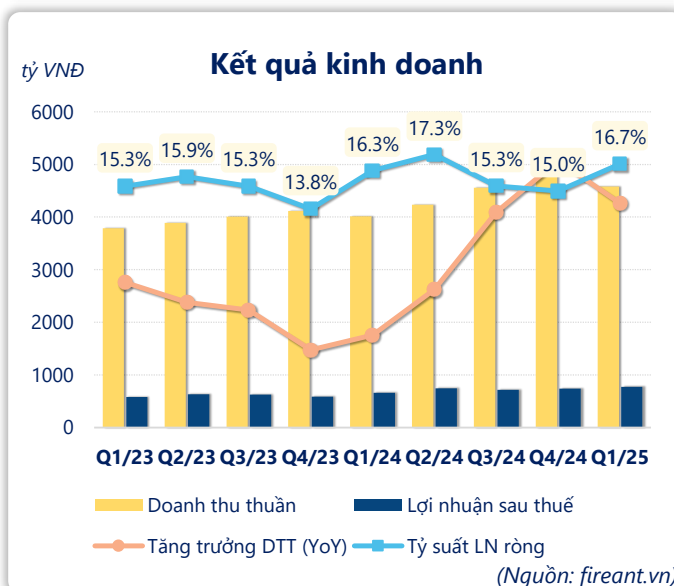
	2024	
LN gộp	8,316	YoY ▲ 1,051 ▲ 14.5%
	tỷ VNĐ	

	Q1/25		
LN thuần	958	QoQ ▲ 36.0 ▲ 3.9%	YoY ▲ 138 ▲ 16.8%
	tỷ VNĐ		

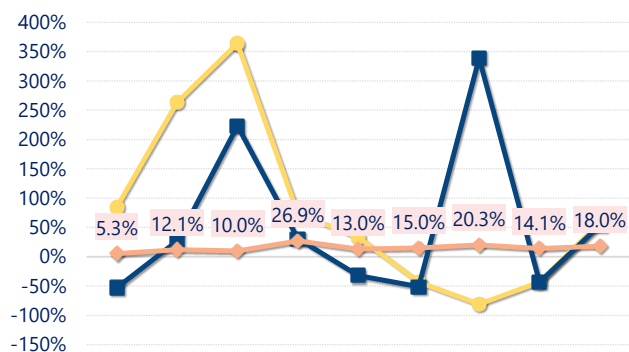
	2024	
LN thuần	3,633	YoY ▲ 598 ▲ 19.7%
	tỷ VNĐ	

	Q1/25		
LN sau thuế	773	QoQ ▲ 36.0 ▲ 4.9%	YoY ▲ 113 ▲ 17.1%
	tỷ VNĐ		

	2024	
LN sau thuế	2,861	YoY ▲ 427 ▲ 17.6%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

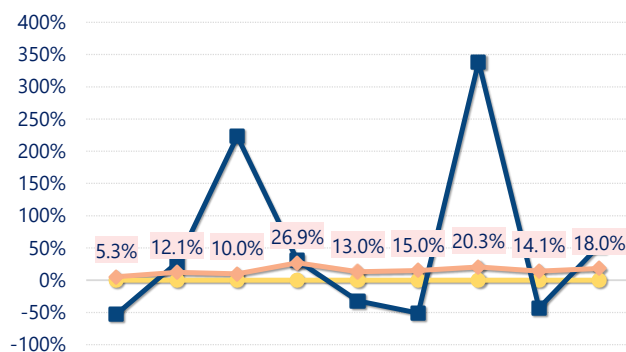


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

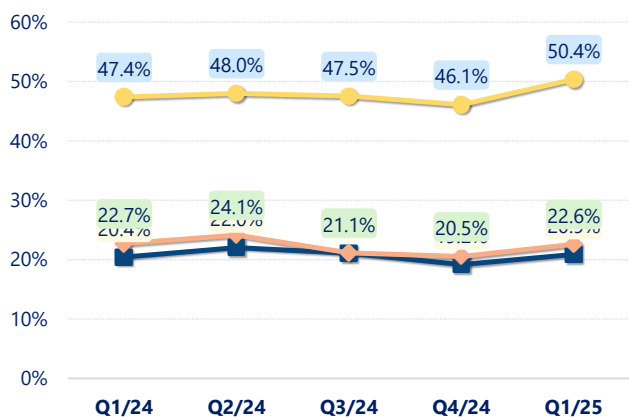


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

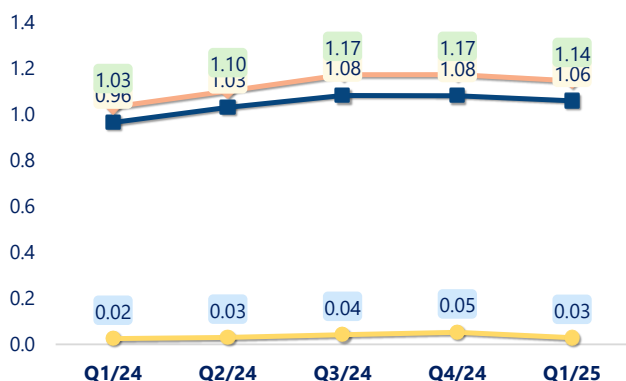


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

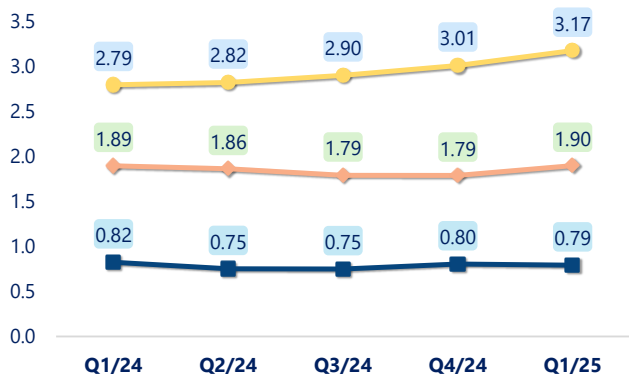


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

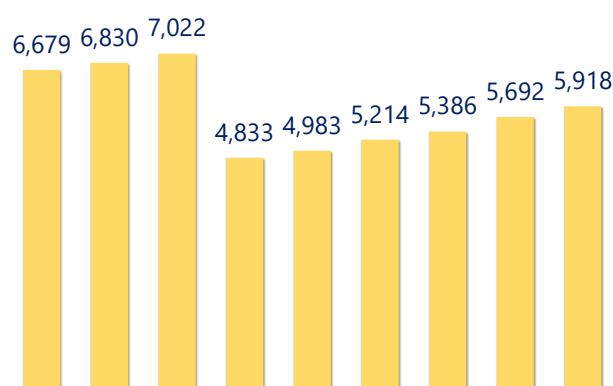


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	4,582	4,012	14.2%	17,610	15,806	11.4%
Giá vốn hàng bán	2,274	2,112	7.7%	9,295	8,541	8.8%
Lợi nhuận gộp	2,308	1,901	21.4%	8,316	7,265	14.5%
Doanh thu HĐTC	180	172	4.6%	659	849	-22.3%
Chi phí TC	75.6	93.1	-18.8%	334	480	-30.3%
Chi phí lãi vay	68.9	85.2	-19.1%	296	445	-33.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	845	615	37.4%	2,857	2,330	22.6%
Chi phí QLDN	610	545	11.9%	2,151	2,270	-5.3%
LN thuần từ HĐKD	958	820	16.8%	3,633	3,035	19.7%
Lợi nhuận khác	8.92	5.54	61.0%	-45.7	7.54	-706%
LN trước thuế	967	826	17.0%	3,588	3,042	17.9%
Lợi nhuận sau thuế	773	660	17.1%	2,861	2,434	17.6%
LNST của CĐ cty mẹ	765	653	17.1%	2,803	2,383	17.6%

(Nguồn: fireant.vn)

